

Bản án số: 90/2021/HS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Huệ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2021/HSST ngày 08/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/HSST - QĐ ngày 12/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C - sinh năm: 1992.

Nơi ĐKNKTT: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Mạc Thị H; có vợ là Trần Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/8/2021 đến ngày 10/8/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn N - sinh năm: 1984.

Nơi ĐKNKTT: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Hữu V - sinh năm 1991.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1986. (vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
Người làm chứng:
- Bà Phạm Thị L - sinh năm 1962. (vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Ông Nguyễn Hữu N - sinh năm 1963. (vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chị Đặng Thị H - sinh năm 1990. (vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền. Khoảng 23 giờ ngày 20/7/2021, C đi bộ quanh khu dân cư thôn 5, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tìm nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Hữu V - sinh năm 1991 ở thôn 5, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, thấy nhà anh V đã tắt điện đi ngủ. Quan sát xung quanh không có người qua lại, C trèo tường (phía trước gần cổng nhà) vào trong sân rồi đi thẳng xuống gian bếp bên hông nhà. Thấy cửa bếp chỉ khép nên C kéo nhẹ cửa rồi đi vào. Qua ánh đèn sáng của quạt điều hòa trong gian bếp, C thấy anh V đang ngủ trên giường, trên ngực để một chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng đang gắn tai nghe. Thấy anh V đang ngủ say, C đi lại gần, rút tai nghe rồi lấy điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó, C trèo tường ra ngoài rồi đi bộ đến nhà Nguyễn Văn N - sinh năm 1984 ở cùng thôn ngủ.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 21/7/2021 sau khi ngủ dậy C nói với N là C lấy trộm được chiếc điện thoại của V nhưng N không nói gì, sau đó C tiếp tục ngủ lại nhà N. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, C đi bộ sang nhà ông Trần Văn K - sinh năm 1961 (bác ruột của C) ở cùng thôn chơi. Trên đường đi C gặp anh V, anh V nói với C về việc bị mất trộm chiếc điện thoại tối qua cho C nghe. Lúc này, C nảy sinh ý định cho V chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus để lấy tiền tiêu, C nói với V: “Tôi biết hai thằng trộm điện thoại của ông, một thằng ở thôn 1, xã Quảng Nhân, một thằng ở xã Quảng Hải, ông có chuộc thì tôi hỏi chuộc lại cho”. Sau đó C chủ động xin số điện thoại của anh V để liên lạc, anh V đọc số cho C và nhờ C chuộc lại điện thoại cho mình. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, C sử dụng điện thoại di động Nokia bàn phím trần màu đen của C nhắn tin, gọi điện cho anh V hỏi về đặc điểm chiếc điện thoại bị mất trộm. Đến 15 giờ cùng ngày, C lại gọi điện thoại cho anh V nói: “Đã hỏi được rồi, nếu chuộc lại thì hết 2.800.000đ” (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*), anh V đồng ý. Đến 17 giờ cùng ngày, C tiếp tục gọi điện thoại cho anh V, nhưng anh V không nghe máy nên C mượn xe mô tô Wave Alpha màu xanh BKS: 36B1 - 9345 của N đến nhà tìm anh V thì gặp chị Đặng Thị H - sinh năm 1990 (là chị dâu của anh V); chị H nói với C là anh V không có nhà, lúc nào về sẽ bảo anh V gọi lại cho C. Khoảng 19

giờ cùng ngày, anh V gọi điện thoại lại cho C, C nói với V: “Chuộc được điện thoại rồi, hết 2.800.000đ, ông có lấy không?”. Lúc này, bà Phạm Thị L - sinh năm 1962 (mẹ của V) bảo C cầm điện thoại xuống nhà để anh V kiểm tra lại, nếu đúng là điện thoại của anh V thì anh V sẽ chuộc lại, C đồng ý. Sau đó C bảo Nguyễn Văn N cầm điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng đến nhà đưa cho anh V và cầm 2.800.000đ về cho C. Trước khi đi C dặn N: “Nếu có ai hỏi thì anh cứ nói điện thoại em chuộc lại của người khác hết 2.800.000đ”. Sau khi anh V kiểm tra điện thoại, xác định đúng điện thoại của mình bị mất trộm nên lấy 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) đưa cho N. N cầm tiền quay về đưa cho C. C cầm tiền và đưa cho N 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); còn 2.600.000đ C giữ lại tiêu xài cá nhân hết. Do đã lấy lại được điện thoại nên anh V không trình báo với Cơ quan chức năng về việc bị mất trộm tài sản.

Nhận thức thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên 15 giờ ngày 07/8/2021 C đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Hữu V, chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng bị mất trộm ngày 20/7/2021, anh mua mới tháng 8 năm 2020 với giá 9.000.000đ, tại thời điểm bị mất trộm có trị giá 3.900.000đ.

Ngày 10/8/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Xương, tiến hành định giá và kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm, chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng của anh V trị giá là 4.000.000đ. (*Bốn triệu đồng*).

Về vật chứng: Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương anh V đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng cho Cơ quan CSĐT để phục vụ điều tra. Ngày 10/8/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng cho anh V. Ngày 28/8/2021 gia đình Trần Văn C và Nguyễn Văn N đã trả lại số tiền 2.800.000đ cho anh V. Anh Nguyễn Hữu V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia bàn phím trần màu đen mà Trần Văn C sử dụng để liên lạc cho anh V trao đổi về việc chuộc lại điện thoại nhằm chiếm đoạt số tiền 2.800.000đ. Qua xác minh, C đã làm rơi mất, Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh BKS: 36P1-9345 mà Nguyễn Văn N sử dụng làm phương tiện để mang điện thoại đến cho anh V chuộc lại nhằm chiếm đoạt số tiền 2.800.000đ. Kết quả điều tra xác minh đây là xe của chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1986 ở thôn Ninh Phạm, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (em gái N) cho N mượn từ giữa tháng 7/2021 để đi làm thợ xây. Chị N hoàn toàn không biết N sử dụng làm phương tiện phạm tội, do đó Cơ quan CSĐT không thu giữ chiếc xe mô tô trên.

Tại bản cáo trạng số 78/CT - VKS - QX ngày 07/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173

và khoản 1 Điều 174 BLHS. Nguyễn Văn N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo: Trần Văn C từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/8/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn N; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về dân sự: Anh Nguyễn Hữu V không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Khoảng 23 giờ ngày 20/7/2021 tại thôn 5, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Trần Văn C đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus màu hồng trị giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) của anh Nguyễn Hữu V. Sau đó, ngày 21/7/2021 Trần Văn C và Nguyễn Văn N đã dùng thủ đoạn gian dối (nói dối anh V chiếc điện thoại trên do C chuộc về để anh V tin tưởng) chiếm đoạt của anh V số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Như vậy đủ cơ sở kết luận hành vi của Trần Văn C đủ dấu hiệu cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và khung hình

phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của BLHS. Hành vi của Nguyễn Văn N đủ dấu hiệu cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Trần Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của BLHS; bị cáo Nguyễn Văn N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân mà không phải bỏ sức lao động. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo C đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hữu V một cách trái pháp luật. Sau khi bị cáo C trộm cắp được tài sản của anh V, ngày 21/7/2021 Trần Văn C và Nguyễn Văn N đã dùng thủ đoạn gian dối (nói dối anh V chiếc điện thoại C trộm của anh V là do C chuộc về để anh V tin tưởng) chiếm đoạt của anh V số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với hành vi dùng thủ đoạn gian dối của C và N để chiếm đoạt số tiền 2.800.000đ của anh V, Trần Văn C là người khởi xướng, thực hành tích cực nên C giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Nguyễn Văn N là người giúp sức nên giữ vai trò thứ hai sau C.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo C tự thú và có ông bà ngoại tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân huy chương, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Hữu V không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 55; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trần Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N.

Về dân sự: Anh Nguyễn Hữu V không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

